

# MỘT SỐ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ RA ĐỜI VÀ TỒN TẠI CỦA TỪ NGỮ MẠNG XÃ HỘI (QUA TƯ LIỆU TIẾNG HÁN)

SOME FACTORS IN HAVING EFFECT ON APPEARANCE  
AND GROWTH OF LANGUAGE ON THE INTERNET

NGUYỄN VĂN CHÍNH

(PGS.TS; Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

**Abstract:** This paper presents the concept of language on the Internet and its characteristics in the Web communicative environment, which is an ideal setting for producing and spreading new words and expressions. The language on the Internet comprises two levels: the basis level (basis language on the Internet) and the communicative level (communicative language on the Internet). The formation of the internet language is explained by many factors, for example, the interactive motivation in the hyper space, power motivation in the affected symbolic society, the need to satisfy the curiosity, etc. The language on the Internet has its own mechanism on existence and development following the elimination rules. The legislative bodies on language should take a flexible point of view on this type of language.

**Key words:** Internet linguistics; basis language; communicative language; interactive motivation; affected factors.

## 1. Đặt vấn đề

Bước vào thời @, mạng xã hội trở thành một công cụ hữu hiệu trong trao đổi thông tin. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, giao tiếp qua mạng đang trở thành hình thức giao tiếp mới nhất và sự ảnh hưởng của nó đang ngày càng rõ rệt hơn trong đời sống xã hội. “Báo cáo thống kê tình trạng phát triển Internet Trung Quốc lần thứ 31” do Trung Tâm thông tin Internet Trung Quốc (CNNIC) đưa ra ngày 15/01/2013 cho biết số người sử dụng mạng tại Trung Quốc vào thời điểm thống kê đã là 0.564 tỉ người, một con số lớn như vậy cho thấy tốc độ tăng lên rất nhanh của cộng đồng cư dân này. Một trong số nhiều lí do cho sự tồn tại và phát triển ngôn ngữ mạng chính là tính tiện dụng, nhanh chóng trong giao tiếp. Internet dần trở thành môi trường “lí tưởng” để sản sinh và truyền bá các từ ngữ mới. “Từ ngữ mạng” được sinh ra nhiều đến mức có thể làm người ta rối mắt, nhưng ở một góc độ nào đó lại cho thấy sức sáng tạo của các thành viên cộng đồng. So với ngôn ngữ

‘chuẩn mực truyền thống’ ngôn ngữ mạng thường mang đặc trưng sinh động, dí dỏm, hài hước, cá tính nổi bật, lan truyền nhanh chóng, có thể gọi mạng là “địa bàn thí nghiệm ngôn ngữ” nơi người ta có thể kiểm tra sức sinh sản từ ngữ cũng như độ bền vững của chúng.

Xuất hiện trên mạng Internet nhưng phạm vi sử dụng của nhiều từ ngữ mới đã vượt quá phạm vi Internet từng bước lan truyền sang những phương tiện thông tin đại chúng truyền thống như báo chí, TV, v.v, và thâm nhập vào cuộc sống giao tiếp thường nhật góp làm giàu thêm vốn từ vựng toàn dân.

Internet (mạng) theo quan niệm chính thống, đó là một môi trường không gian giao tiếp ảo nhưng qua thực tiễn sử dụng, nó không đơn thuần là không gian nữa. Ngôn ngữ mạng sản sinh, lưu hành là vì nhu cầu trao đổi thông tin, đồng thời qua ngôn ngữ mạng chúng ta cũng có thể phát hiện ra một khía cạnh văn hóa (văn hóa mạng). Sự xuất hiện của ngôn ngữ mạng ban đầu có thể chỉ là một cách thức muốn nâng cao tốc độ chat

hoặc do một một kiểu phản ứng tức thời khi có nhu cầu nào đó của cư dân mạng khi họ có trong tay những những phương tiện, những sản phẩm IT.

Đến nay, với cách nhìn cởi mở, có thể nói, ngôn ngữ mạng đang tồn tại như một thực thể cần được chấp nhận, tìm hiểu, lí giải và quản trị chúng. Để có được cách nhìn nhận này, ngôn ngữ mạng cũng đã trải qua không ít những cách đánh giá mang tính thiên kiến. Ban đầu, người ta thường có thái độ phản đối với lí do rằng ngôn ngữ mạng không tuân thủ các quy tắc, quy phạm của ngôn ngữ chuẩn mực, tính trong sáng không được bảo đảm,... vì vậy cần loại bỏ thứ ngôn ngữ này. Nay, ngôn ngữ mạng đã dành được một mức độ quan tâm nào đó của xã hội và của một số các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Điều đó cho thấy thái độ của cả xã hội đối với ngôn ngữ mạng có một quá trình chuyển biến từ “phản đối” sang “lưu tâm nghiên cứu”.

Ở Trung Quốc, GS. Chu Hải Trung đã đề xuất về một phân ngành nghiên cứu về mạng trong ngôn ngữ học mà ông gọi là “Ngôn ngữ mạng học”. Tiếp sau sự đề xuất này là sự chú ý, ủng hộ của một số nhà nghiên cứu thế giới như : Santiago - Posteguillo (2003) đã trình bày và phân tích ngôn ngữ mạng học một cách toàn diện và có hệ thống trong “Ngôn ngữ mạng học: ngôn ngữ, lời nói và tư duy của Internet”; GS. David Crystal cũng đã viết bài “Phạm vi ngôn ngữ mạng học” để thảo luận về vấn đề Internet và thông tin kĩ thuật có ảnh hưởng tới ngôn ngữ như thế nào. Ngôn ngữ mạng học hiện nay đã trở thành một vấn đề rất đáng quan tâm. Hướng tiếp cận này đang từng bước hoàn thiện các luận điểm lí luận và phương pháp, thủ pháp nghiên cứu đặc thù.

Từ ngữ mạng từ cách thức cấu tạo, phạm vi, quy luật sử dụng, phương thức truyền bá đều có nhiều sự khác biệt ít nhiều với từ vựng truyền thống. Chủ nhân đầu tiên của ngôn ngữ mạng, có thể nói là thế hệ trẻ

(thanh thiếu niên), tính ngắn gọn, linh hoạt mới lạ khiến chúng được cộng đồng mạng ưa chuộng và nhân rộng.

## 2. Khái niệm ngôn ngữ mạng

Cho đến nay, một định nghĩa chính xác thế nào là ngôn ngữ mạng vẫn chưa được đưa ra nhưng quan điểm chung đều cho rằng ngôn ngữ mạng là ngôn ngữ “tự nhiên” của cộng đồng sử dụng Internet.

*Ngôn ngữ mạng* theo cách hiểu rộng nhất là tất cả hình thức ngôn ngữ có liên quan đến mạng, gồm thuật ngữ chuyên môn, từ ngữ thường dùng, từ ngữ mới và cả những hiệu thị giác. Một cách cơ bản, ngôn ngữ mạng được chia thành hai bậc: bậc cơ sở (ngôn ngữ mạng cơ sở) và bậc giao tiếp (ngôn ngữ mạng giao tiếp).

*Ngôn ngữ mạng cơ sở* chỉ những thuật ngữ chuyên dùng cho máy tính và Internet. Ví dụ như: *thùng máy, màn hình, ổ cứng, con chuột, cửa sổ, hộp thoại, menu, virus* v.v. những từ này đều được định nghĩa rõ ràng thống nhất. Trong vốn từ vựng tiêu chuẩn chúng được tập hợp trong hệ thuật ngữ chuyên dụng hoặc thuật ngữ khoa học kĩ thuật, những từ này vừa là cơ sở giao tiếp mạng, vừa là cơ sở của ngôn ngữ mạng để sinh ra những từ mới.

*Ngôn ngữ mạng giao tiếp* chủ yếu để chỉ loại ngôn ngữ được sử dụng khi chủ thể giao tiếp A giao tiếp với chủ thể giao tiếp B trên mạng, môi trường giao tiếp gồm: diễn đàn BBS và chat boxes, Email, hội thoại trên mạng v.v. Những hình thức giao tiếp này có nhiều loại, phạm vi liên quan rất rộng, ngoài những từ, ngữ trong ngôn ngữ tiêu chuẩn như hệ thống từ vựng hỏ, các từ chỉ hành vi từ tình thái ra, còn có những từ ngữ không có trong giao tiếp thực tế. Ví dụ trong tiếng Hán:

版主 *ban zhu* bản chủ (chủ chốt); 菜主 *cai zhu* thái điều ( chủ quán); 灌水 *guan shui* quán thủy ( rót nước); CC “hix hix” ( tình thái); ^ ^  
, : -); “ kí hiệu nét mặt”; 7456 *qi si wu* 七

gắn âm với 气死我了 *qi si wo le* “tức chết đi được”; 886 *ba ba liu* gắn âm với 拜拜了 *bai bai le* “tạm biệt”; 3Q, 3X “Thanks”/“cảm ơn”.

### 3. Tinh văn hóa của từ vựng mạng

Khi nói đến văn hoá mạng người ta thường nhấn mạnh ba điểm sau:

*Một là*, văn hóa thể hiện qua từ vựng mạng là loại văn hóa ảo nhưng có ảnh hưởng đến cuộc sống hiện thực.

*Hai là*, văn hóa được từ vựng mạng thể hiện là văn hóa có tính thịnh hành (văn hóa “hot”) mà thanh thiếu niên là chủ thể tiên phong.

*Ba là*, văn hóa hình thành gắn với từ vựng mạng trên đại thể là một loại văn hóa hư cấu.

Con người nhờ sự giúp đỡ của ngôn ngữ mạng để tạo ngữ cảnh ảo, cộng đồng giao tiếp ảo. Một khi các thành viên của cộng đồng ảo này cùng tham gia tương tác với nhau sẽ sản sinh một nét văn hóa rất độc đáo, ví dụ như kỹ thuật số hóa, tính tác động lẫn nhau, tính xuyên thời gian và không gian, v.v. Sau khi tham gia thể giới mạng, do phương thức trao đổi bị chế định bởi phương tiện truyền dẫn, nên thế giới ảo đã hình thành một quy tắc trao đổi độc đáo. Phương thức trao đổi này so với phương thức trao đổi trực diện (mặt đối mặt) thì thiếu vắng sự trợ giúp của các dấu hiệu giao tiếp đi kèm như ngữ điệu, thanh điệu, động tác thân thể, nét mặt, v.v. Bù đắp cho sự thiếu hụt này, người tham gia giao tiếp phải có đủ sức tưởng tượng phong phú mới hiểu được ý nghĩa mà người truyền thông tin bằng ngôn ngữ mạng muốn truyền đạt.

### 4. Nguyên nhân ra đời, tồn tại của ngôn ngữ mạng

#### 4.1. Ngôn ngữ mạng nảy sinh bởi động cơ tương tác trong siêu không gian và cộng đồng

“Trong thực tế xã hội, con người chịu sự chế định của các nhân tố xã hội như pháp luật, chế độ, tôn giáo, đạo đức, tập tục, tầng

lớp, địa vị, v.v. những nhân tố này, ở một khía cạnh nào đó đã tước đi “quyền nói” của một số người, khiến cho họ cảm thấy bị hạn chế về không gian để thể hiện mình”. Những trật tự và quy tắc của cuộc sống hiện thực khiến cho một số người lựa chọn cách im lặng bởi đôi khi điều họ muốn biểu đạt bị hạn chế, thiếu động cơ và dũng khí trong tương tác xã hội. Hơn nữa, một số cá thể vì muốn giữ khoảng cách với xã hội, họ khép kín và lảng tránh, cảm thấy rất khó khăn trong tương tác với xã hội. Trong xã hội hiện thực, sự “cởi lòng” với mọi người xung quanh luôn cần môi trường giao tiếp lí tưởng (môi trường được xã hội cung cấp điều kiện và cơ hội nhất định). Do môi trường giao tiếp xã hội vì lí do này khác chưa thể đạt đến độ “lí tưởng” khiến cho một số người không thể thể hiện mình một cách bình thường trong xã hội hiện thực dẫn tới bế tắc và không dung hợp được với xã hội.

Mạng cung cấp không gian hư cấu để cho con người tự phô bày và thể hiện. Giao lưu mạng là phương thức hoàn toàn mới để tạo mối tương tác cho mọi người khi cùng tham gia không gian mạng. Nó cung cấp cho mọi người cơ hội bình đẳng, xóa nhòa sự khác biệt của mọi người về địa vị xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, vai trò xã hội, v.v. Internet là nơi lí tưởng để che giấu địa vị, lập trường và thân phận xã hội trong đời thực của cư dân mạng”. Trong không gian ảo, tự do, các cá thể xã hội hoàn toàn có thể tự buông thả, thoát khỏi thân phận, hoàn cảnh cá nhân thực, không bị chi phối bởi những nguyên tắc ứng xử xã hội. Internet giúp họ chủ động tuyệt đối trong giao tiếp.

Hơn nữa, trong không gian mạng, do chỗ các chủ thể giao tiếp chưa từng gặp nhau (giao tiếp giấu mặt) nên mức độ thân mật và hòa đồng giữa mọi người dễ dàng tăng lên, hai đầu mối giao tiếp có thể tự buông thả hoàn toàn khác hẳn với cuộc sống thực tại. Giao lưu mạng giúp con người thoát khỏi áp

lực tư tưởng và sự ràng buộc xã hội từ đó xây dựng mối quan hệ hòa hợp với môi trường và những người xung quanh để tự thể hiện bản thể.

#### **4.2. Động cơ quyền lực trong xã hội biểu tượng giả tạo**

Trong xã hội hiện thực, bản chất xã hội của con người thường khiến con người muốn có một vị trí "mạnh" trong cộng đồng. Ham muốn về quyền lợi tồn tại tương đối phổ biến. Nhiều cá nhân muốn có quyền lực để chi phối xã hội, thu lợi hoặc thoả mãn ham muốn nhưng bộ phận người này lại bị kiểm chế bởi thiết chế và đạo đức xã hội khiến cho những "ham muốn cá nhân" không/ít được thoả mãn. Chính những chế ước của xã hội hiện thực đã thúc đẩy một bộ phận người không nhỏ gửi gắm hi vọng vào một xã hội ảo, một không gian hư cấu để thoả mãn ham muốn và mong được xã hội công nhận của họ.

#### **4.3. Động cơ khoe khoang thành tích, thích thay đổi vai**

Trong cuộc sống thực hàng ngày, con người cùng lúc đóng nhiều "vai", các "vai" xã hội của mỗi người thường mang tính tùy biến, một người có vai trò xã hội càng nhiều thì phải chịu trách nhiệm càng nhiều. Trong không gian internet động cơ thể hiện sự thành đạt là sự biến báo và đổi chác của vai. Trong khắp các góc ngách của thế giới mạng rộng lớn, cư dân mạng có thể thoả nguyện "diễn" theo ý mình, đóng các vai hư cấu có thân phận và tính cách khác thực tế của mình, thậm chí có thể diễn, vào vai hoàn toàn trái ngược với hoàn cảnh của mình.

#### **4.4. Tâm lí thích cái mới, muốn nổi trội và tự khoe mẽ**

Chuộng cái mới bài xích cái cũ là bản năng của con người, tâm lí hướng tới sự khác biệt, theo đuổi sự biến hóa, chạy theo cái mới của người sử dụng ngôn ngữ thường được xem như là một nguyên nhân dẫn đến

biến đổi từ vựng. Số liệu của Trung tâm Internet cho biết, khoảng 90% cư dân mạng có trình độ văn hóa từ trung học phổ thông đến đại học, và thanh niên là bộ phận chủ đạo trong cộng đồng mạng. Những thanh thiếu niên tham gia mạng thường có tính cách sôi nổi, năng lực tiếp thu cái mới rất mạnh, không muốn tuân theo khuôn phép cũ. Họ có sức sáng tạo và tinh thần phản kháng mạnh đối với quyền uy truyền thống cũng như thường có tâm lí thích nổi trội. Một khung cảnh yên bình và tự do như Internet đã cho họ một cơ hội rất tốt để phát huy những điều đó.

#### **4.5. Tâm lí tự giấu kín và lập dị**

Trong xã hội ảo của mạng, không ai biết được giới tính và tuổi tác của bạn, cũng không ai cạnh tranh đúng nghĩa với bạn, vì thế mạng là nơi tốt nhất để "khác người" và tự thể hiện. Đặc trưng lập dị biểu hiện ở các cư dân mạng không quan tâm đến tính quy phạm của ngữ pháp truyền thống, mà hoàn toàn sáng tạo và đổi mới theo ý muốn mình. Từ vựng mạng đa số dùng những cách biểu đạt trái lệ thường để "thư giãn", thông qua điều này để thể nghiệm sự sáng khoái khác thường. Ngôn từ phóng dăng, tưởng tượng mạnh dạn, đây là những hành vi giao lưu mạng tính tự biểu hiện của những thanh thiếu niên thường dùng trong hoàn cảnh giao tiếp tự giấu kín. Trong không gian mạng, cư dân mạng trẻ tạo ra một thái độ coi thường truyền thống, tôn sùng sự cách tân, do có động lực tâm lí, nên họ chạy theo cái mới, theo đuổi sự biến hóa sự khác biệt, họ mạnh dạn phá bỏ các quy tắc ngôn ngữ thông thường. Từ đó, cư dân mạng cảm thấy phần khởi như đang được hít thở không khí tươi trẻ.

#### **4.6. Được dùng hình tượng sinh động trong biểu đạt tình cảm, ý chí**

Trong thế giới mạng, vì không thể giao lưu trực tiếp bằng phương thức mặt đối mặt

ên việc dùng kí hiệu để thay thế nét mặt đã ở thành một nhu cầu cần thiết. Những biểu tượng hình ảnh khuôn mặt có khả năng biểu hiện cao nên được các cư dân mạng ưa chuộng và sử dụng nhiều bởi chúng có thể biểu hiện sự vật hoặc hứng thú một cách trực tiếp, sinh động. Ví dụ: \*\_\*, ^ ^ là những kí hiệu nét mặt hình tượng sinh động. Nhiều lúc không có ngôn ngữ thích hợp để dùng hoặc thấy ngôn ngữ hiện nay có vẻ quá lỗi thời thì sẽ dùng những kí hiệu này. Giống như giao tiếp trực diện, nét mặt không lời có thể truyền đạt nhiều thông tin tinh tế, có hiệu quả như ngôn ngữ thành lời.

#### 4.7. Tâm lí bất chước theo số đông/ theo đám lí đám đông

Sáng tạo ngôn ngữ mạng trước tiên là để thỏa mãn ước vọng tạo “tính khác biệt”, thứ hai là bắt chước người ta để đáp ứng “tính hài hoà” trong nhóm”. Trong phạm vi nhóm mạng, bất kể cá tính của một người mạnh mẽ thế nào, lối sống của người đó có hợp với các thành viên khác hay không, chỉ cần bạn gia nhập một nhóm nào đó, và tham gia hoạt động theo chủ đề của nhóm đó, lâu ngày chịu sự ảnh hưởng cùng một bối cảnh văn hóa và phương thức văn hóa, sự khác biệt giữa các thành viên nhóm sẽ dần bị loại bỏ một cách vô thức qua hành vi bắt chước và thay đổi, cuối cùng sẽ dẫn tới một xu thế tâm lí và hành vi tương đồng.

#### 4.8. Thoả mãn tâm lí hiếu kì, ưa cợt nhả và bôi nhọ người khác

Dường như là, mỗi khi trong xã hội có một “tin hot” xuất hiện thì ngay lập tức có một từ ngữ mạng tương ứng xuất hiện để thể hiện sự chạy theo thị hiếu và tính cộng đồng mạng. Dưới hình thức một kí hiệu mang tính biểu trưng phản ánh quá trình diễn biến xã hội, nhìn từ góc độ đặc biệt, giải trí và bôi nhọ biểu hiện sự đổi thay về quan niệm giá trị cũng như tâm lí văn hóa của con người. Ví dụ, hai từ của mạng là “Khùng Long” và

“Con Éch”, thì “Khùng Long” là biệt xưng mà cư dân mạng dành cho một cô gái không đẹp lắm, tướng mạo không dễ coi lắm, mang nghĩa xấu; “Con Éch” là biệt xưng cư dân mạng dành cho một chàng trai. Truy lại nguồn gốc của hai từ này cũng có thể hiểu được tại sao chúng xuất hiện và tồn tại:

Từ “Khùng Long” tương truyền bắt nguồn từ Hoàng Nguyệt Anh, vợ của Gia Cát Lượng. Thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng được gọi là *Ngọa Long Tiên Sinh*. *Ngọa Long* có nghĩa là ngủ với con rồng, vậy Gia Cát Lượng ngủ với ai? Tất nhiên là vợ của ông ta, cho nên *Long* ở đây ám chỉ Hoàng Nguyệt Anh. Gia Cát Lượng lại có một tên khác là *Khổng Minh*, nên mọi người đều gọi Hoàng Nguyệt Anh là *Khổng Long*. Vì Hoàng Nguyệt Anh là phụ nữ cực kì xấu xí nhưng nổi tiếng thời đó nên sau này mọi người đều gọi phụ nữ hoặc con gái xấu xí là *Khổng Long*, đến thời kì @, bằng lối nói hài âm cư dân mạng tạo ra từ “Khùng Long”. Cũng có người cho rằng: Có thể từ “Khùng Long” bắt nguồn từ khi có một cặp yêu nhau qua mạng đến lúc gặp nhau, vì tướng mạo của cô gái quá “chấn động” khiến cho chàng trai cảm thấy như gặp một “con vật thời tiền sử”, và hận là không thể bỏ của chạy lấy người được.

Quan điểm phổ biến về nguồn gốc của từ “Con Éch” là: Mỗi khi một chàng trai xấu xí gặp gỡ người đẹp thì thường bị chê cười là “cóc đòi ăn thịt thiên nga” (Cú đậu cành mai), bởi lẽ dùng từ “con cóc” có vẻ hơi mạo phạm, nên người ta thay bằng từ “Con Éch” vậy. Lâu ngày, “con éch” trở thành biệt xưng chỉ các chàng trai xấu xí. Cũng có ý kiến cho rằng, 青蛙 *qing wa* (con éch) là hải âm của 请蛙 *qing wa* (xin mời “oa”); *oa* ở đây có nghĩa là động tác ới mửa do quá buồn nôn, được dùng với hàm ý là chàng trai xấu đến mức phát nôn (“oa” ọc ra/nôn ra).

Bị mang danh “Khùng Long” trên mạng, đương nhiên các cô gái sẽ có phản ứng chế giễu lại, họ gọi các chàng trai xấu xí là “Con Êch” để mà “ăn miếng trả miếng”. Tuy nhiên, so sánh hai từ với nhau, thì sức thể hiện/sự bôi nhọ của từ “Con Êch” không mạnh lắm. Tính mạnh yếu trong từ ngữ bôi nhọ, chế giễu của nam và nữ cũng có thể được coi là minh chứng cho sự khác biệt ít nhiều về giới tính trong ngôn ngữ.

### 5. Kết luận

Cho đến nay, có rất nhiều ý kiến cho rằng, ngôn ngữ mạng không phải là thứ ngôn ngữ chuẩn mực. Sự tồn tại, lưu hành của ngôn ngữ này gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho ngôn ngữ chuẩn mực. Nhìn nhận một cách khách quan, chúng tôi cho rằng ngôn ngữ mạng ra đời là một tất yếu bởi nó có lí do như chúng tôi đã trình bày ở trên. Ngôn ngữ mạng ra đời là để thực hiện chức năng giao tiếp xã hội. Mặc dù nó mới chỉ được sử dụng gói gọn trong cộng đồng cư dân mạng, phần nhiều là thanh thiếu niên. Nhưng dù phạm vi giao tiếp còn hạn chế nhưng địa bàn giao tiếp của loại ngôn ngữ này lại vô cùng rộng lớn, nó không chỉ gói gọn trong một khu vực mà mang tính toàn cầu. Về tính bền vững của loại ngôn ngữ này, chúng tôi không đặt vấn đề nghi ngờ. Điều chúng tôi muốn nói thêm là sự xuất hiện, tồn tại, phát triển là một quá trình đấu tranh tự đào thải. Ngôn ngữ mạng cũng vậy, theo dòng thời gian chúng sẽ giữ lại, cùng có những yếu tố phù hợp, loại bỏ những yếu tố không phù hợp, trái quy luật. Sự xuất hiện, lưu hành rồi bị thay thế của từ ngữ mạng cũng chiếu theo quy luật trên; có một số từ thích ứng thời điểm này, nó sẽ tồn tại được lâu hơn, chúng sẽ bị loại bỏ, thay thế khi không còn thích hợp. Đối với các nhà lập pháp ngôn ngữ, nên chăng cần có một cái

nhìn mềm dẻo hơn đối với loại ngôn ngữ đang rất được thanh thiếu niên ưa chuộng này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Hoàng Hữu Phước (2010), *Giao thoa ngôn ngữ Việt - Anh và thực chất vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Hội thảo khoa học toàn quốc “Phát triển và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong thời kì hội nhập quốc tế hiện nay”.
2. Nguyễn Quang (2008), *Văn hóa, giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Khánh Dương (2009), *Ngôn ngữ chat: tiếng Việt và tiếng Anh*, Trường Đại học Sư phạm tp. Hồ Chí Minh.
4. Phan Ngọc Phạm Đức Dương (2011), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*, NXB Từ điển Bách Khoa.

### Tiếng Hán:

1. 陈发青、胡争光、阮云志 (2008) *汉语网络流行语造词法研究*. 陕西教育 2008-11.
2. 陈原 (2000) *社会语言学*. 北京: 商务印书馆.
3. 陈治国 (2007), *中韩网络语言的特征及其对应关系的分析*. 中央民族大学朝鲜语言文学系汉朝语言对比研究硕士学位论文.
4. 崔秘席 (2005), *韩网络聊天语言比较*. 山东大学汉语言文学学硕士学位论文.
5. 崔秘席 (2008), *中韩网络聊天语言比较研究*. 山东大学汉语言文学学博士学位论文.
6. 凤君 (2012) *网络新新词典*. 新世界出版社.